

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 tháng 9 năm 2023

V/v: ly hôn

**NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CL – TỈNH KHÁNH HÒA**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh

- Các hội thẩm nhân dân: - Ông Hoàng Quang ThA

- Ông Nguyễn Lai

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 18/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/5/2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc N, sinh năm 1984; địa chỉ: 35 Lê Thị Hồng Gấm, Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, thị trấn Cam Đức, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt

- Bị đơn: Ông Trần Hoàng Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: 35 Lê Thị Hồng Gấm, Tổ dân phố Bãi Giếng Nam, thị trấn Cam Đức, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc N trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: bà N và ông Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Cam Thành Bắc, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2006 ngày 04/5/2006. Quá trình chung sống đến năm 2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân ông Đ có tính cách gia trưởng, ghen tuông vô cớ, cho rằng bà N có quan hệ tình cảm với người khác nên đã gán thiết bị định vị, theo dõi vào xe máy, điện thoại cá nhân của bà; về đến nhà là ông Đ luôn kiểm soát chửi bới, xúc phạm bà, đuổi bà ra khỏi nhà khiến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vào năm 2021, bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng vì muốn cho hai bên cơ hội hàn gắn nên bà rút đơn. Tuy nhiên, ông Đ vẫn không thay đổi, hai bên không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Bà N xác định không còn tình cảm với ông Đ nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về nuôi con, cấp dưỡng cho con: bà N và ông Đ có hai con chung là Trần Phạm Khánh T sinh ngày 03/4/2009 và Trần Nhật A sinh ngày 11/9/2011. Khi ly hôn, bà N đồng ý giao hai con chung cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, vì hiện tại bà chưa có nhà riêng, các cháu đang sống trong nhà của ông Đ nên có nơi ở ổn định để sinh sống, học tập.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Hoàng Đ trình bày:

- Về yêu cầu ly hôn: Ông Đ thống nhất lời trình bày của bà N về thời gian, địa điểm kết hôn. Đời sống hôn nhân vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do những nguyên nhân nhỏ nhặt trong cuộc sống. Sau này bà N làm thêm công việc môi giới bất động sản, có nhiều mối quan hệ làm ăn và quen biết nhiều người nên vợ chồng mới xảy ra cãi vã. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông Đ không đồng ý vì muốn vợ chồng cho nhau cơ hội để hàn gắn tình cảm.

- Về nuôi con, cấp dưỡng cho con: Ông Đ có hai con chung là cháu Trần Phạm Khánh T sinh ngày 03/4/2009 và cháu Trần Nhật A sinh ngày 11/9/2011. Các cháu không có nhược điểm gì về thể chất và tinh thần. Ông Đ cho rằng hiện nay bà N không có chỗ ở, giờ giấc làm việc thì không ổn định nên trường hợp ly hôn, ông Đ yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu và không yêu cầu bà N cấp dưỡng cho con.

- Về chia tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CL phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung, giao cháu Trần Phạm Khánh T và cháu Trần Nhật A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng; về tài sản chung và nợ chung, bà N và ông Đ không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: TrA chấp về ly hôn giữa bà Phạm Thị Ngọc N và ông Trần Hoàng Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CL theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Hoàng Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên tòa ngày 30/8/2023 và ngày 18/9/2023; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] Về yêu cầu ly hôn: bà N và ông Đ tự nguyện kết hôn với nhau năm 2006 tại UBND xã Cam Thành Bắc, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29/2006 ngày 04/5/2006; đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng không còn yêu thương và tôn trọng nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Bà N đã từng nộp đơn xin ly hôn vào năm 2021

nhưng vì để hai bên có cơ hội hàn gắn nên đã rút đơn; tuy nhiên tình cảm vợ chồng không được cải thiện, cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng. Hai bên đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Bà N xác định không còn tình cảm với ông Đ nên không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Đ cho rằng vẫn còn tình cảm với bà N nhưng không có giải pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa ông cũng vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà N được ly hôn với ông Đ.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Bà N và ông Đ có hai con chung là cháu Trần Phạm Khánh T sinh ngày 03/4/2009 và cháu Trần Nhật A sinh ngày 11/9/2011. Các cháu phát triển bình thường và hiện đang sống với ông Đ. Bà Ánh trình bày hiện tại bà không có nhà riêng nên khi ly hôn bà đồng ý giao các con chung cho ông Đ nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ xác định ông có nhà ở, thời gian làm việc linh động hơn bà N nên ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bà N và ông Đ cũng thỏa thuận giao hai con chung cho ông Đ trực tiếp chăm sóc. Đồng thời cháu T, cháu A đều có nguyện vọng được ở bố.

Vì vậy, để hạn chế sự xáo trộn tâm lý, cuộc sống hiện tại, bảo đảm việc học tập và sinh hoạt, quyền lợi mọi mặt của các cháu, ổn định về người trực tiếp trông nom nên Hội đồng xét xử giao cháu T và cháu A cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Đ không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà N không trực tiếp nuôi các con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết, bà N và ông Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, sau này nếu có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Phạm Thị Ngọc N được ly hôn với ông Trần Hoàng Đ.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng cho con: giao cháu Trần Phạm Khánh T sinh ngày 03/4/2009 và cháu Trần Nhật A sinh ngày 11/9/2011 cho ông Trần Hoàng Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trần Hoàng Đ không yêu cầu bà Phạm Thị Ngọc N cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Phạm Thị Ngọc N và ông Trần Hoàng Đ được quyền khởi kiện vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: bà Phạm Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009641 ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- UBND xã Cam Thành Bắc;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Mỹ Hạnh

